TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2022.
V/v "Tranh chấp L hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.

Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 426/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Ấp 4, xã Long A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
- **Bị đơn**: Anh Vũ Mạnh K, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Số K3/134B, tổ 12, khu Văn H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L có mặt, anh K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Mạnh K tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc, nhưng từ năm 2018 cho tới có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không có tiếng nói chung, anh K thường xuyên ăn nhậu về nhà hành xử không đúng với vợ con. Xét thấy muân thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị làm đơn xin L hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có hai con chung là Vũ Trọng Kh, sinh ngày 12/02/2012 và Vũ Trọng K, sinh ngày 23/10/2015. Nếu L hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L khai không có;

Về nợ chung: Chị L khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không hợp tác nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Vũ Mạnh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Vũ Mạnh K có nơi cư trú và hiện đang sinh sống tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, chị L có đơn khởi kiện yêu cầu L hôn với anh K. Đây là tranh chấp L hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 160 ngày 06 tháng 9 năm 2011 nên là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điêu 9, 10 Luật Hôn nhân năm 2000 và Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, chị L và anh K có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị L và anh K tồn tại nhiều mâu thuẫn, Tòa án nhiều lần triệu tập anh K và chị L để hòa giải, nhưng anh K không hợp tác thể hiện không muốn đoàn tụ. Xét yêu cầu giải quyết L hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị L và anh K có hai con chung là Vũ Trọng Kh, sinh ngày 12/02/2012 và Vũ Trọng K, sinh ngày 23/10/2015. Chị L yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện các cháu Vũ Trọng Kh và cháu Vũ Trọng K đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng và được chị nuôi dạy tốt, cháu Kh cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, giao các cháu Vũ Trọng Kh, sinh ngày 12/02/2012 và Vũ Trọng K, sinh ngày 23/10/2015 cho chị L chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Mỹ L nuôi con không yêu cầu anh Vũ Mạnh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên không xét.

Nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không xét.

[3] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát huyện Long Thành phù hợp chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 277, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với anh Vũ Mạnh K về việc "Tranh chấp L hôn".

Cho chị Nguyễn Thị Mỹ L được L hôn anh Vũ Mạnh K.

Về con chung: Giao các cháu Vũ Trọng Kh, sinh ngày 12/02/2012 và Vũ Trọng K, sinh ngày 23/10/2015 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời, anh Vũ Mạnh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Thế có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí L hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005731 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Vũ Mạnh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
-VKSND H. Long Thành.
-THA H. Long Thành.
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn.
-Các đương sự.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên